

Điều chỉnh chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc giai đoạn sau khi gia nhập WTO và một số gợi ý chính cho Việt Nam / Nguyễn Thu Hạnh

1. Sự cần thiết nghiên cứu đề tài

Trung Quốc là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất trên thế giới hiện nay và gần đây đã nổi lên vị trí thứ 2 thế giới về kinh tế, đang gặt hái những kết quả thành công to lớn khác, kết quả của sự chuyển biến mạnh về kinh tế và hội nhập quốc tế một cách sâu sắc. Không chỉ có những thành công rất lớn về kinh tế, Trung Quốc là một trong những quốc gia lớn nhất trên thế giới về diện tích lãnh thổ, dân số, tài nguyên thiên nhiên... Do vậy, sự phát triển mạnh mẽ của Trung Quốc đã tác động lớn đến nền kinh tế thế giới và khu vực. Sự tác động đến khu vực và thế giới của Trung Quốc đã tạo ra sự chú ý cho cả thế giới, từ chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế, cho đến các nhà nghiên cứu về các vấn đề vĩ mô và vi mô của Trung Quốc.

Sự thay đổi mạnh mẽ của Trung Quốc từ năm 1979, đặc biệt từ sau khi gia nhập WTO cho đến nay có thể khẳng định vai trò của chính phủ Trung Quốc là rất lớn. Năng lực quản lý của chính phủ Trung Quốc được thể hiện rất rõ qua hiệu quả của hoạch định và điều chỉnh chính sách, trong đó có chính sách và điều chỉnh chính sách thu hút FDI. Tương tự các nước đang phát triển khác, Trung Quốc rất cần các nguồn lực khác từ bên ngoài mà Trung Quốc còn thiếu như: vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý, đặc biệt là từ các TNC của các nước phát triển nhằm đưa nền kinh tế phát triển đi lên và hội nhập quốc tế sâu sắc. Các nguồn lực này phần lớn được tập trung trong dòng vốn FDI đầu tư vào lãnh thổ Trung Quốc.

Trong bối cảnh cạnh tranh trên thế giới gay gắt để thu hút nguồn vốn FDI, việc thu hút và chuyển hóa thành công nguồn vốn này thành động lực thúc đẩy nền kinh tế Trung Quốc phát triển mạnh mẽ là vấn đề đặt ra khi nghiên cứu về Trung Quốc.

Từ lúc bắt đầu công cuộc cải cách, Trung Quốc đã chú trọng đến mối quan hệ giữa tác động của chính sách đến hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài. Chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài là giải quyết bài toán về lợi ích giữa Trung Quốc và các nhà đầu tư nước ngoài trên cơ sở khai thác những lợi thế của cả Trung Quốc như thị trường, tài nguyên, lao động và từ nguồn vốn FDI. Chính vì vậy chính sách thu hút đầu tư nước ngoài tất yếu phải điều chỉnh khi thực tiễn thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tồn tại những bất cập làm ảnh hưởng cán cân về lợi ích giữa Trung Quốc và các nước sở hữu nguồn vốn đầu tư như thuế, đất đai, chất lượng công nghệ, ô nhiễm môi trường, vấn đề thu nhập của người lao động, suy giảm nguồn vốn đầu tư... ả hững bất cập kể trên xảy ra nhiều hơn và sâu sắc hơn khi Trung Quốc thực hiện các cam kết sau khi gia nhập WTO.

Mặt khác sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ đã làm tăng nguồn dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc. Vì vậy vốn không còn là yêu cầu hàng đầu trong thu hút FDI của Trung Quốc mà nảy sinh những yêu cầu mới trong chính sách thu hút FDI của Trung Quốc đòi hỏi Trung Quốc phải điều chỉnh chính sách để đáp ứng.

ả hư vậy từ thực tiễn thu hút FDI của Trung Quốc, nhiều vấn đề đặt ra cần phải tìm được câu trả lời là Trung Quốc đã điều chỉnh chính sách thu hút FDI như thế nào? Hiệu quả của điều chỉnh chính sách đạt được đến đâu? Việt ả am học được gì từ kinh nghiệm điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc? Với tính cấp thiết của đề tài, tác giả đã chọn *“Điều chỉnh chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc giai đoạn sau khi gia nhập WTO và một số gợi ý chính sách cho Việt Nam”* làm đề tài luận án tiên sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu

FDI giữ một vai trò rất quan trọng trong nguồn vốn đầu tư của các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển

và điểm khác biệt với các nước khác cùng trong một khu vực và trên thế giới. Sau khi gia nhập WTO, việc thực thi các cam kết với WTO đồng thời thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đưa đến nảy sinh các mâu thuẫn, các bất cập đòi hỏi Trung Quốc phải giải quyết thông qua việc điều chỉnh chính sách thu hút FDI.

Thứ ba: Trung Quốc định hướng lại chính sách thu hút FDI. Bởi vì, sau giai đoạn phát triển về quy mô với “bất kỳ giá nào”, Trung Quốc đã nhận ra những tác động tiêu cực không có lợi từ chất lượng nguồn vốn FDI còn thấp. Vì vậy, Trung Quốc cần phải có định hướng mới trong chính sách phát triển kinh tế trong đó có chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài với phương châm “chất lượng hơn số lượng” trong thu hút FDI nhằm mục tiêu phát triển kinh tế bền vững.

Trung Quốc đã sửa đổi một loạt luật và quy định ban hành một số luật và các quy định mới. Trước khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã thực hiện chính sách khuyến khích các doanh nghiệp nước ngoài và giành nhiều ưu đãi cho Hoa Kiều. Sau khi gia nhập WTO Trung Quốc vẫn tiếp tục thực hiện chính sách này, nhưng những ưu đãi đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài có sự thay đổi theo những cam kết với WTO và mục tiêu phát triển của Trung Quốc.

Thứ tư: Hiệu quả của điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc được đánh giá thông qua 3 nhóm tiêu chí bao gồm: tác động về kinh tế, tác động về xã hội và tác động về môi trường. Đánh giá theo 3 nhóm tiêu chí này, về cơ bản Trung Quốc đều đạt yêu cầu và có thể khẳng định Trung Quốc đã thành công trong điều chỉnh chính sách thu hút FDI từ khi gia nhập WTO cho đến nay.

Thứ năm: Việc nghiên cứu điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc có một ý nghĩa rất quan trọng đó là rút ra những bài học kinh nghiệm từ sự thành công và chưa thành công của Trung Quốc, gợi ý cho điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Việt Nam nhằm đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia thành công trong thu hút FDI.

như Trung Quốc lại càng rất cần đến nguồn vốn đầu tư này. Sự thu hút nguồn vốn FDI nhiều hay ít ở từng quốc gia lại phụ thuộc vào chính môi trường đầu tư của quốc gia đó. Môi trường đầu tư thuận lợi hay không còn tùy thuộc vào hoạch định và điều chỉnh chính sách thu hút FDI của chính phủ nước tiếp nhận nguồn vốn này. Tầm quan trọng của điều chỉnh chính sách thu hút FDI đã tạo ra sự quan tâm, chú ý của chính phủ, xã hội và các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước.

- *Các công trình nghiên cứu trong nước:* FDI là vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu trong nước quan tâm và có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này. Tuy nhiên các công trình nghiên cứu có đặc điểm nổi bật là nghiên cứu thực trạng về FDI của Trung Quốc và của thế giới nói chung và có đề xuất những bài học thu hút FDI cho Việt Nam. Các công trình này mới chỉ đề cập một phần hoặc ít nhiều đề cập đến những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc hoạch định và điều chỉnh chính sách thu hút FDI ở các nước đang phát triển như Trung Quốc nhưng không phải là trọng tâm của các công trình nghiên cứu này. Do đó các công trình nghiên cứu chỉ mới tập trung làm rõ các nhân tố tác động đến điều chỉnh chính sách kinh tế nói chung của Trung Quốc như:

Đề tài nhánh chương trình cấp Bộ “*Điều chỉnh chính sách kinh tế ở Trung Quốc, giai đoạn 1992 - 2010*” của Viện nghiên cứu Trung Quốc thuộc Viện Khoa học xã hội do Tiến sĩ Nguyễn Kim Bảo làm chủ nhiệm được công bố trong năm 2002. Công trình đề cập đến việc điều chỉnh các chính sách kinh tế cơ bản của Trung Quốc bao gồm: điều chỉnh việc phân bổ nguồn lực từ khu vực kinh tế nhà nước sang khu vực kinh tế tư nhân; điều chỉnh từ mở rộng quyền tự chủ kinh doanh cho doanh nghiệp quốc hữu sang đổi mới chế độ doanh nghiệp - xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại; điều chỉnh cơ cấu ngành thích ứng với yêu cầu của nền kinh tế thị trường; điều chỉnh chính sách phát triển kinh tế vùng từ miền Đông sang miền Tây; điều chỉnh chính sách tiền tệ theo hướng tự do hóa; điều chỉnh chính sách mở cửa đối ngoại theo xu hướng tự do hóa; điều chỉnh chính sách thu hút FDI; điều chỉnh chính sách phát triển khoa học công nghệ và

chính sách phát triển nguồn nhân lực theo xu hướng cạnh tranh toàn cầu; điều chỉnh chính sách việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội theo xu hướng thị trường. Công trình có đề cập đến điều chỉnh chính sách thu hút FDI nhưng chỉ là một nội dung cơ bản cùng với các nội dung điều chỉnh chính sách cơ bản khác. Tác giả công trình mới chỉ giới thiệu khái quát về những nội dung điều chỉnh chính sách chủ yếu mà chưa có đánh giá hiệu quả điều chỉnh chính sách thu hút FDI và cũng không rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình điều chỉnh chính sách. Đề tài chưa nghiên cứu quy trình điều chỉnh, các văn bản được ban hành... mà chỉ giới thiệu khái quát chủ trương điều chỉnh chính sách thu hút FDI của chính phủ Trung Quốc và phân tích khái quát về triển vọng FDI vào Trung Quốc. Mặt khác thời điểm triển khai nghiên cứu của đề tài chưa phản ánh được những tác động của việc gia nhập WTO đến điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc. Những số liệu mà công trình đưa ra đã cũ và không cập nhật so với tình hình hiện nay.

“Trung Quốc gia nhập WTO và tác động đến Đông Nam Á” của tập thể tác giả Việt Nam và Trung Quốc gồm Lưu Hàm Hạc, Cổ Tiểu Tùng, Đỗ Tiến Sâm và Lê Văn Sang chủ biên do Nhà xuất bản Khoa học xã hội xuất bản năm 2002. Cuốn sách là tập hợp các bài viết xoay quanh cuộc tọa đàm của các học giả trong và ngoài nước về việc Trung Quốc gia nhập WTO và tác động của sự kiện này đến các nước Đông Nam Á. Công trình này chỉ đề cập đến FDI của Trung Quốc với phạm vi một nội dung nhỏ xoay xung quanh vấn đề ngoại thương của Trung Quốc trong việc gia nhập WTO. Các tác giả không đề cập đến việc điều chỉnh chính sách FDI. Tuy nhiên tư liệu này đã giúp tác giả luận án có kết quả nghiên cứu sâu hơn về sự gia nhập WTO của Trung Quốc, góp phần đạt mục đích nghiên cứu của đề tài luận án.

“Trung Quốc và ASEAN trong hội nhập; thử thách mới và cơ hội mới” của tác giả Trần Quốc Hùng do Nhà xuất bản Trẻ phát hành năm 2003. Nội dung chủ yếu bàn về sự hội nhập quốc tế của Trung Quốc và các nước ASEAN, mối quan hệ quốc tế giữa Trung Quốc và ASEAN về nhiều mặt trong đó có lĩnh vực kinh tế. Công trình này

3.3. BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH FDI CỦA TRUNG QUỐC

3.3.1. Bài học thành công

- Thận trọng trong mở cửa đầu tư, phát triển cân đối các vùng, miền.

- Lấy thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội làm mục tiêu điều chỉnh chính sách.

- Phát triển các hoạt động R&D.

- Xác định đối tác đầu tư ưu tiên chính.

3.3.2. Bài học không thành công

- Tránh chồng chéo trong điều chỉnh chính sách

- Kiểm soát công nghệ nhập khẩu, bảo vệ môi trường

3.4. GỢI Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

- Nâng cao trình độ nguồn nhân lực, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trên cơ sở phát triển giáo dục và đào tạo.

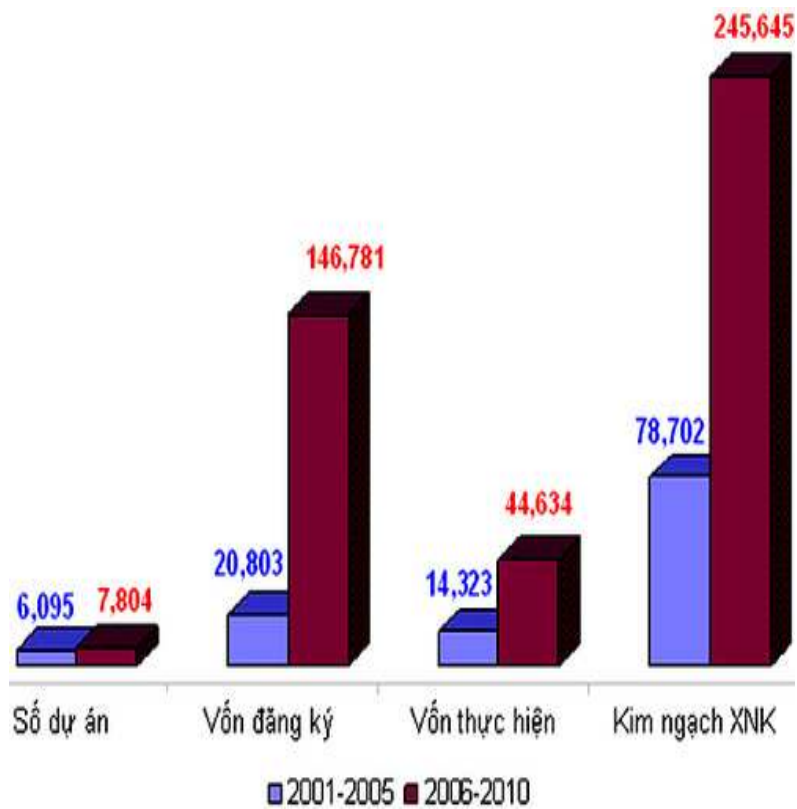
- Chính sách thu hút FDI cần phải ổn định, rõ ràng và minh bạch.

- Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển công nghiệp phụ trợ.

KẾT LUẬN

Thứ nhất: Việc điều chỉnh chính sách thu hút FDI là tất yếu do tác động của nhiều nhân tố bên trong và nhân tố bên ngoài. Các nhân tố bên trong là những nhân tố chủ yếu như: Yêu cầu phát triển của nền kinh tế Trung Quốc; Thực hiện các cam kết sau khi gia nhập WTO; Những hạn chế của đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Trung Quốc và những bất cập của chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Các nhân tố bên ngoài đưa đến những tác động buộc Trung Quốc phải điều chỉnh chính sách thu hút FDI bao gồm: Xu hướng phát triển mạnh mẽ của toàn cầu hóa và mạng lưới sản xuất toàn cầu; Sự cạnh tranh quốc tế trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài; Tình hình thu hút FDI và sự điều chỉnh chính sách thu hút FDI ở một số quốc gia châu Á và ASEAN.

Thứ hai: Hệ thống chính sách thu hút FDI bao gồm: nhóm các chính sách pháp lý, nhóm chính sách tài chính và nhóm chính sách bổ sung. Hệ thống chính sách của Trung Quốc vừa có điểm tương đồng



ả nguồn: <http://egov.laocai.gov.vn>. Ba điểm sáng của hoạt động đầu tư nước ngoài năm 2010.

3.2.2.2. ả hững tồn tại trong điều chỉnh chính sách thu hút FDI ở Việt ả am

- Chưa chủ động trong điều chỉnh chính sách
- Cơ chế giám sát các hoạt động đầu tư FDI chưa thật chặt chẽ, thiếu tính minh bạch

không nghiên cứu về điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc nhưng nội dung của công trình đã giúp tác giả có nghiên cứu sâu hơn về bối cảnh khu vực và thế giới khi Trung Quốc tiến hành điều chỉnh chính sách thu hút FDI.

“Trung Quốc gia nhập tổ chức thương mại thế giới; thời cơ và thách thức” của tập thể tác giả do PGS Võ Đại Lược, ả giảng Xuân Thắng, Lê Bộ Lĩnh do ả hà xuất bản Khoa học - xã hội xuất bản năm 2003. Cuốn sách giới thiệu tổng quan của việc Trung Quốc gia nhập WTO, phân tích những tác động của việc Trung Quốc gia nhập WTO đối với kinh tế Trung Quốc và đối với Mỹ, ả hật Bản, EU, ASEAA. Các tác giả đưa ra những nhận xét và khuyến nghị sau thực tế 2 năm sau khi Trung Quốc gia nhập WTO. Cuốn sách có đề cập đến nguồn vốn FDI vào Trung Quốc, nhưng không phân tích đến điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc.

“Chính sách phát triển kinh tế - Kinh nghiệm và bài học của Trung Quốc” do ả hà xuất bản Giao thông vận tải xuất bản năm 2004 là tập hợp các bài nghiên cứu của các tác giả Việt ả am và Trung Quốc, thuộc dự án VIE01/012 của Viện ả ghiên cứu và quản lý kinh tế trung ương là đề tài nghiên cứu tương đối toàn diện về chính sách phát triển kinh tế của Trung Quốc trước và sau khi gia nhập WTO trong đó có chính sách thu hút FDI. Công trình nghiên cứu đã đề cập đến các vấn đề: Thực tế thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Trung Quốc; Cơ cấu đầu tư trực tiếp nước ngoài; Về các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài; Về chính sách đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài; Về tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài. ả hưng kết quả nghiên cứu về điều chỉnh chính sách thu hút FDI còn rất hạn chế do phạm vi nghiên cứu của cả đề tài rất lớn. Các tác giả đã đề cập đến các nội dung chính sách FDI được điều chỉnh. Tuy nhiên các tác giả chưa đánh giá hiệu quả điều chỉnh chính sách đến đâu và bài học kinh nghiệm cho Việt ả am trong điều chỉnh chính sách thu hút FDI.

“Trung Quốc gia nhập WTO, kinh nghiệm với Việt Nam” của tác giả Đỗ Tiên Sâm chủ biên do ả hà xuất bản Khoa học xã hội xuất bản năm 2005. Công trình là tập hợp các bài viết về quan điểm của Trung Quốc về việc gia nhập tổ chức thương mại thế giới, phân tích

quá trình và nội dung đàm phán gia nhập WTO của Trung Quốc cũng như tác động của việc gia nhập WTO đối với lĩnh vực kinh tế trong đó có hoạt động đầu tư và đối sách của Trung Quốc. Từ đó, những bài học kinh nghiệm được rút ra và Việt Nam có thể tham khảo. Tuy nhiên các tác giả không đi sâu nghiên cứu điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc.

Đối với các đề tài luận án tiến sĩ kinh tế gồm có:

“*Đầu tư trực tiếp của nước ngoài ở Trung Quốc từ năm 1979 đến nay*” của tác giả Nguyễn Kim Bảo được công bố năm 1996. Đề tài tập trung bàn về các nhân tố tác động đến dòng vốn FDI vào Trung Quốc từ khi bắt đầu công cuộc “cải cách, mở cửa”, thực trạng dòng vốn FDI vào Trung Quốc. Nội dung đáng chú ý của đề tài là chủ trương, chính sách, biện pháp khuyến khích FDI và sự điều chỉnh song mới dừng ở giới thiệu khái quát cũng như hiệu quả điều chỉnh chính sách và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình điều chỉnh chính sách. Bên cạnh đó phạm vi thời gian của đề tài trước thời điểm Trung Quốc gia nhập WTO khá lâu. Các số liệu đã cũ và không cập nhật. Vì thế kết quả nghiên cứu của đề tài chỉ mang tính chất là tài liệu tham khảo.

“*Chính sách thu hút FDI ở các nước ASEAN 5 từ sau cuộc khủng hoảng tài chính châu Á*” của tác giả Đặng Đức Long được công bố năm 2006 tập trung bàn về các chính sách thu hút FDI của 5 nước trong khu vực ASEAN từ sau khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở châu Á trong hai năm 1996 đến 1997. Đề tài có đề cập đến chính sách thu hút FDI của các quốc gia mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ và giới thiệu nội dung điều chỉnh chính sách một cách khái quát. Công trình không đề cập đến hiệu quả điều chỉnh chính sách và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Việc đề cập đến chính sách FDI của Trung Quốc được coi là những kết quả định tính và định lượng để làm rõ hơn chính sách thu hút FDI của các nước ASEAN 5.

Một nghiên cứu khác cũng là luận án tiến sĩ với đề tài: “*Vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài trong quá trình nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Trung Quốc từ 1992 đến nay- Những gợi ý đối với Việt Nam*” của tác giả Đỗ Thị Kim Hoa, năm 2006. Đề

1988	37	341,7	
1989	67	525,5	
1990	107	735,0	
1991	152	1291,5	328,8
1992	196	2208,5	549,9
1993	274	3037,4	1017,5
1994	372	4188,4	2040,6
1995	475	6937,2	2556,0
1996	372	10164,1	2147,0
1997	349	5590,7	3115,0
1998	285	5099,9	2367,4
1999	327	2565,4	3334,9
2000	391	2838,9	2413,5
2001	555	3412,8	2450,5
2002	808	2998,8	2591,0
2003	791	3191,2	2650,3
2004	811	4547,6	2852,5
2005	970	6839,8	3308,8
2006	987	12004,0	4100,1
2007	1544	21347,8	8030,0
2008	1557	71726,0	11500,0
2009	839	21842,1	10000,0

(*): Bao gồm vốn tăng thêm của các dự án đã được cấp phép năm trước
â nguồn: â iên giám thống kê

â nguồn vốn FDI có vai trò rất quan trọng đối với phát triển kinh tế của Việt Nam. â năm 2010, vốn FDI chiếm 25,8% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 17,2% so với năm 2009 và cao hơn so với mức tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước.

Hình 3.2: Kết quả thu hút FDI từ năm 2001 đến năm 2010 của Việt Nam

3.2.1.1. Chính sách FDI

Ả gay từ khi bắt đầu tiến hành công cuộc đổi mới, Việt ả am đã chú trọng đến chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tháng 12 năm 1987, Việt ả am đã ban hành Luật đầu tư trực tiếp nước ngoài. Từ năm 1987 đến nay là quá trình Việt ả am xây dựng, thực thi chính sách thu hút FDI.

Hệ thống chính sách thu hút FDI bao gồm 3 nhóm chính sách cơ bản: nhóm chính sách khung khổ pháp lý, nhóm chính sách tài chính, nhóm chính sách phi tài chính.

3.2.1.2. Điều chỉnh chính sách FDI

Điều chỉnh chính sách FDI ở Việt ả am trên cả 3 nhóm chính sách. Theo tác giả luận án, quá trình điều chỉnh chính sách FDI ở Việt ả am được chia làm 2 giai đoạn: 1987 – 1996; 1997 đến 2010.

3.2.2. Động thái FDI

3.2.2.1. Tổng quan FDI vào Việt ả am

Trải qua hơn 20 năm kể từ khi Việt ả am ban hành Luật ĐTẢ ả lần đầu tiên vào năm 1987, Việc chỉnh sửa, bổ sung chính sách thu hút FDI đã góp phần tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi và hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Do vậy, dòng vốn FDI vào Việt ả am đã tăng lên rất nhiều lần trong hơn 20 năm qua.

Bảng 3.1: Đầu tư trực tiếp tại Việt Nam từ năm 1988 đến năm 2009

Năm	Số dự án	Tổng vốn đăng ký (*) (Triệu USD)	Tổng vốn thực hiện (Triệu USD)
-----	----------	-------------------------------------	-----------------------------------

tài cũng bàn về vai trò của chính phủ Trung Quốc trong việc thu hút FDI, được thể hiện ở các quan điểm và thực thi các quan điểm đó trong thu hút FDI. Mức độ nghiên cứu cũng dừng ở khái quát mà chưa đi sâu phân tích các chính sách, sự điều chỉnh các chính sách không phải là mục tiêu nghiên cứu của đề tài.

Đối với các bài báo đăng trong các tờ báo, các tạp chí chuyên ngành đáng chú ý có bài như “*Điều chỉnh chính sách thu hút FDI trong quá trình hội nhập quốc tế ở Trung Quốc từ năm 1979 đến nay*” của tác giả Phạm Thái Quốc được đăng trong tạp chí ả hững vấn đề kinh tế và chính trị thế giới số 7 (147) năm 2008. Mặc dù tác giả đề cập đến vấn đề điều chỉnh chính sách thu hút FDI ở Trung Quốc nhưng cho cả quá trình từ năm 1979 cho đến nay. Mặt khác do phạm vi bài báo có giới hạn cho nên mới dừng ở phạm vi nghiên cứu khái quát. Bên cạnh đó còn có rất nhiều bài báo viết về FDI của Trung Quốc nhưng chủ yếu là nghiên cứu sự vận động và biến động của dòng vốn này và điều chỉnh chính sách thu hút FDI không phải là trọng tâm của bài báo này.

Một công trình nghiên cứu khác rất đáng kể đó là đề tài trọng điểm của Đại học Quốc gia Hà ả ội, được tác giả luận án nghiên cứu và vận dụng với tên đề tài: “*Điều chỉnh chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế*” do tác giả Phùng Xuân ả hạ làm chủ nhiệm được nghiệm thu năm 2009. Đề tài là công trình nghiên cứu công phu khi khái quát hóa hệ thống lý luận về hoạch định và điều chỉnh chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài, phân tích quá trình điều chỉnh chính sách FDI của Việt ả am, phân tích những tác động của điều chỉnh chính sách FDI của Việt ả am. Đề tài đã nghiên cứu về điều chỉnh chính sách thu hút FDI ở Trung Quốc song nghiên cứu dừng lại ở nghiên cứu nội dung của điều chỉnh và có đề cập khái quát một vài khía cạnh hiệu quả điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc song không tổng kết bài học kinh nghiệm cho Việt ả am trong quá trình điều chỉnh chính sách FDI. Đề tài đã xây dựng khung khổ lý luận cho điều chỉnh chính sách FDI, trong đó có hệ thống các tiêu chí đánh giá điều chỉnh chính sách FDI. Tuy nhiên đề tài đã phân chia các tác động của điều

chính sách còn chưa hợp lý khi tách tác động lan tỏa ra khỏi tác động về kinh tế, xã hội, môi trường. Tác động lan tỏa phải ở cả tác động về kinh tế, xã hội và môi trường cùng với những tác động trực tiếp của điều chỉnh chính sách FDI. Đề tài chưa nêu bật phạm vi chính sách FDI cho dòng vốn FDI vào hay dòng vốn FDI đầu tư ra bên ngoài. Tác giả luận án đã tiếp thu rất nhiều kết quả nghiên cứu của công trình nghiên cứu này đồng thời còn bổ sung, làm rõ thêm một số vấn đề mà theo quan điểm tác giả luận án là hạn chế của đề tài kể trên.

- *Các công trình nghiên cứu ngoài nước:*

Cùng với các công trình nghiên cứu trong nước thì cũng có nhiều công trình nghiên cứu nước ngoài về điều chỉnh chính sách thu hút FDI. Trong đó, công trình nghiên cứu đáng chú ý có liên quan mật thiết đến đề tài đó là nghiên cứu của Go Quiang Long về *Chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc: Tổng quan và đánh giá*. Tác giả đã có đánh giá tổng quan về sự thay đổi chính sách đầu tư của Trung Quốc qua các giai đoạn từ 1979 đến 2003 và mối quan hệ giữa thay đổi chính sách FDI với sự bùng nổ hoạt động FDI tại Trung Quốc. Tác giả đi sâu phân tích chính sách FDI qua chính sách khuyến khích hoạt động xuất khẩu và chính sách phát triển khoa học – công nghệ. Tác giả đã tập trung phân tích chính sách phát triển R&D đối với hoạt động của các công ty có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Trung Quốc.

Nghiên cứu của Jack W Hou về *Chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc và dòng vốn FDI của Đài Loan vào Trung Quốc*. Tác giả đã có sự phân tích về điều chỉnh chính sách FDI của Trung Quốc song dừng ở khái quát, chủ yếu tác giả đi sâu phân tích sự vận động của dòng vốn FDI từ Đài Loan và tác động của dòng vốn này đến nền kinh tế của Trung Quốc.

Nghiên cứu của Kenichi Ohno năm 2006 về *Hoạch định chính sách công nghiệp ở Thái Lan, Malaixia, Nhật Bản và bài học kinh nghiệm cho các nhà hoạch định chính sách ở Việt Nam*. Tác giả đã có sự phân tích so sánh những điểm yếu và hạn chế trong hoạch định và điều chỉnh chính sách nói chung và chính sách thu hút FDI

Quốc kiểm soát tốt hơn và khai thác có hiệu quả hơn nguồn vốn FDI.

Có thể khẳng định Trung Quốc đạt được một số hiệu quả nhất định trong điều chỉnh chính sách như tạo ra một hệ thống chính sách thu hút FDI tương đối toàn diện, làm cơ sở pháp lý rõ ràng và chặt chẽ cho chính phủ Trung Quốc quản lý nguồn vốn này cũng như củng cố niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài, công nghệ mà các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đưa vào Trung Quốc chất lượng cao hơn, gắn liền với những thành quả mới nhất về khoa học-công nghệ, trình độ nhân lực sử dụng được nâng lên... Tuy nhiên nhiều chính sách của Trung Quốc ban hành còn chậm và sự điều chỉnh còn chưa linh hoạt dẫn đến những hậu quả rất lớn và khắc phục sẽ rất khó khăn như sự bất cập của chính sách được ban hành, tình trạng thoái lui của các nhà đầu tư nước ngoài trước quyết định bỏ chính sách tiền lương giá rẻ của Trung Quốc, tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và phân hóa xã hội sâu sắc đe dọa đến sự phát triển của Trung Quốc trong tương lai.

CHƯƠNG 3

BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ GỢI Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

3.1. SỰ TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC TRONG ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH THU HÚT FDI

3.1.1. Sự tương đồng

- Về môi trường và điều kiện thực hiện chính sách
- Về quy trình thực hiện chính sách
- ội dung chính sách
- Hiệu quả chính sách
- Về hạn chế, bất cập

3.1.2. Sự khác biệt

- Về tính chủ động trong thực hiện
- Về quy trình thực hiện
- Về hiệu quả thực hiện

3.2. TỔNG QUAN FDI Ở VIỆT NAM

3.2.1. Chính sách FDI

Trung Quốc sẽ tiếp tục thực thi các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng nguồn vốn FDI vào Trung Quốc như thực hiện điều chỉnh cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ công nghệ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, tiếp tục mở rộng lĩnh vực đầu tư và giám sát chặt chẽ nguồn vốn FDI.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Ây gay từ trước khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã xây dựng một hệ thống chính sách thu hút FDI gồm có các nhóm chính sách: ả hóm chính sách pháp lý, nhóm chính sách tài chính và nhóm chính sách khác. Trước khi gia nhập WTO, Trung Quốc rất cần nguồn vốn FDI để đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, phát triển cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh xuất khẩu. Quan điểm Trung Quốc trong giai đoạn này là thu hút FDI bằng mọi cách. Chính vì vậy việc điều chỉnh chính sách thu hút FDI trong thời kỳ này đã tăng nhiều ưu đãi, đồng thời cũng “dễ dãi” với các nguồn công nghệ mà các doanh nghiệp có vốn FDI đưa vào. Chất lượng FDI của giai đoạn này chưa cao mặc dù quy mô FDI đầu tư vào Trung Quốc ngày càng lớn.

Sau khi gia nhập WTO, những yêu cầu mới từ trong nước và bối cảnh thế giới buộc Trung Quốc phải điều chỉnh chính sách thu hút FDI. Trung Quốc đã đặt ra mục tiêu nâng cao chất lượng của nguồn vốn này như chọn lọc công nghệ cao và hạn chế việc tiêu thụ nhiều năng lượng, hạn chế ô nhiễm môi trường, sử dụng nguồn lao động có năng lực cao, đẩy mạnh các hoạt động R&D. Trung Quốc đã điều chỉnh các chính sách thu hút FDI theo mục tiêu này, một mặt tạo ra khung khổ pháp lý rõ ràng và chặt chẽ vừa đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài, mặt khác cùng với giúp chính phủ Trung

nói riêng giữa các nước ả hạt Bản, Thái Lan, Malaixia và đưa ra khuyến nghị cho Việt ả am trong lựa chọn chính sách thu hút FDI hiệu quả.

ả ghiên cứu của tác giả Imad A. Moosa (2002) về *Đầu tư trực tiếp nước ngoài, dẫn chứng và thực tiễn*. Công trình này chủ yếu bàn về lý thuyết FDI chưa bàn nhiều về chính sách; ả ghiên cứu của Sanjaya Lall và Shujjiro Urata về *Sức cạnh tranh, FDI và các hoạt động công nghệ ở Đông Á*. Các tác giả tập trung bàn về vai trò công nghệ đối với sự tăng trưởng của FDI mà chưa bàn về mối quan hệ giữa hoạch định và điều chỉnh chính sách FDI với sự thu hút nguồn vốn này.

ả ghiên cứu của Jeffery Heinrich và Denise Eby Konan về *Triển vọng của FDI ở khu vực AFTA* chủ yếu phân tích về sự phục hồi toàn diện của các nước ASEAA sau khủng hoảng và xu hướng FDI ở các nước trong khu vực này trong thế kỷ 21, nhưng chưa bàn về tác động của điều chỉnh chính sách đối với thu hút nguồn vốn này tại các nước đó, hiệu quả điều chỉnh và những bài học kinh nghiệm được rút ra từ điều chỉnh chính sách. Đánh giá chung các công trình trong và ngoài nước mới tiếp cận về điều chỉnh chính sách FDI ở một quốc gia cụ thể hoặc ở một số các quốc gia tiêu biểu hoặc từ góc độ về tài chính thương mại hoặc công nghệ để bàn về sự tăng trưởng của dòng vốn FDI mà chưa có sự phân tích một cách hệ thống về hoạch định và điều chỉnh chính sách FDI ở các nước đang phát triển từ đó để thấy được sự cần thiết của hoạch định và điều chỉnh chính sách phù hợp với yêu cầu của thực tiễn trong thu hút FDI và khai thác những tác động tích cực của nguồn vốn này.

Các công trình cũng mới chỉ đề cập đến một vài khía cạnh trong điều chỉnh chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Trung Quốc và cũng không phải là trọng tâm trong các công trình nghiên cứu đó. Vì vậy, cần phải có công trình nghiên cứu hệ thống, cơ bản và toàn diện về điều chỉnh chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Trung Quốc, đặc biệt từ sau khi Trung Quốc gia nhập WTO. Do vậy, hướng nghiên cứu của đề tài là đáp ứng các yêu cầu nói trên khi nghiên cứu về điều chỉnh chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài

ở Trung Quốc, giai đoạn sau khi gia nhập WTO, từ đó đưa ra kiến nghị đối với Việt Nam.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- *Mục đích nghiên cứu:*

Âm nghiên cứu điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc từ sau khi gia nhập WTO cho đến nay, tìm ra những điểm mới, có tính đặc thù trong điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc. Kết quả nghiên cứu kể trên góp phần làm phong phú thêm lý luận về FDI và rút ra những bài học bổ ích cho điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Việt Nam.

- *Nhiệm vụ nghiên cứu:*

+ Làm rõ nội dung các điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc sau khi gia nhập WTO.

+ Đánh giá hiệu quả của điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc.

+ Rút ra các bài học kinh nghiệm về điều chỉnh chính sách thu hút FDI cho Việt Nam

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu:*

+ Âm nghiên cứu các chính sách thu hút FDI của Trung Quốc trước và sau khi gia nhập WTO.

+ Âm nghiên cứu các tác động cơ bản của điều chỉnh chính sách thu hút FDI về kinh tế, xã hội, môi trường sau khi Trung Quốc gia nhập WTO.

- *Phạm vi nghiên cứu:*

+ Về thời gian: Âm nghiên cứu sự điều chỉnh chính sách thu hút đầu tư nước ngoài ở Trung Quốc, tập trung vào giai đoạn sau khi gia nhập WTO cho đến nay.

- Về không gian: Âm nghiên cứu về Trung Quốc không bao gồm Hồng Kông, Macao và Đài Loan.

5. Phương pháp nghiên cứu

Với một đề tài nghiên cứu thuộc chuyên ngành khoa học kinh tế chính trị, phương pháp trừu tượng hóa khoa học và biện chứng duy

Trung Quốc tiếp tục thực thi chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm khai thác tốt hơn nữa nguồn vốn FDI về tiếp thu những công nghệ được chuyển giao và Trung Quốc.

2.3. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH THU HÚT FDI CỦA TRUNG QUỐC SAU KHI GIA NHẬP WTO

2.3.1. Tác động về kinh tế

Tiêu chí này bao gồm các kết quả trực tiếp và kết quả gián tiếp về thu hút FDI. Các kết quả trực tiếp gồm : lượng vốn FDI, hình thức đầu tư, cơ cấu FDI theo ngành, cơ cấu FDI theo vùng, trình độ công nghệ được tiếp nhận. Các kết quả gián tiếp gồm: tăng trưởng kinh tế, tổng đầu tư xã hội, cán cân thanh toán, chuyển giao công nghệ, liên kết với doanh nghiệp trong nước, nâng cao kỹ năng người lao động.

2.3.2. Tác động về xã hội

Sự thay đổi về việc làm, thu nhập do sự tham gia của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

2.3.3. Tác động về môi trường

Tác động về môi trường được đánh giá ở mức độ ô nhiễm về môi trường và sự thiệt hại về kinh tế do môi trường gây ra.

2.4. XU HƯỚNG ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH THU HÚT FDI CỦA TRUNG QUỐC

2.4.1. Trung Quốc tiếp tục thực hiện các cam kết quốc tế với WTO về điều chỉnh chính sách thu hút FDI

Chính sách thu hút FDI của Trung Quốc đã và đang và sẽ được điều chỉnh theo hướng thực hiện các cam kết với tổ chức thương mại thế giới trên 3 nguyên tắc lớn về mở cửa thị trường:

Một là, những cam kết của Trung Quốc xóa bỏ hàng rào phi thuế quan, giảm thuế và mở cửa ra các khu vực dịch vụ.

Hai là, những cam kết bởi các nước nhập khẩu xóa bỏ hạn ngạch hàng dệt may mà trước đó thường bị áp đặt theo các thỏa thuận phân bổ hạn ngạch.

Ba là, những thỏa thuận từ Mỹ và các nước khác nhằm áp dụng quy chế “tối huệ quốc” cho Trung Quốc.

2.4.2. Trung Quốc tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn vốn FDI

QUỐC SAU KHI GIA   HẠP WTO

2.2.1. Điều chỉnh định hướng chính sách thu hút FDI

Sau quá trình thu hút FDI với bất kỳ “*giá nào*”, Trung Quốc đã thành công trong việc thu hút lượng vốn FDI rất lớn vào Trung Quốc, nhưng đóng góp của nguồn vốn này đối với sự thay đổi của Trung Quốc về các lĩnh vực như khoa học kỹ thuật, bảo vệ môi trường lại rất hạn chế. Vì vậy, với mục tiêu nâng cao chất lượng của nguồn vốn này, Trung Quốc đã điều chỉnh lại định hướng chính sách thu hút FDI. Định hướng chính sách thu hút FDI mới gồm: chọn lọc các nhà đầu tư, thu hút đầu tư có điều kiện vào các lĩnh vực chọn lựa, phân bổ lại nguồn vốn đầu tư giữa các vùng.

2.2.2. Nội dung điều chỉnh chính sách thu hút FDI

2.2.2.1. Chính sách pháp lý

Trung Quốc tiếp tục điều chỉnh các luật, quy định nhằm hoàn thiện khung khổ pháp lý trong thu hút FDI theo mục tiêu mới. Trung Quốc tiếp tục điều chỉnh các quy định về lĩnh vực đầu tư, các vùng đầu tư đối với nguồn vốn FDI.

2.2.2.2. Chính sách tài chính

Trung Quốc tiếp tục điều chỉnh chính sách thuế theo hướng tăng cường ưu đãi và công bằng giữa các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp sử dụng vốn trong nước và điều chỉnh chính sách tiền tệ có giới hạn nhằm đảm bảo ổn định hệ thống tài chính tiền tệ cũng như quy mô xuất khẩu của Trung Quốc

2.2.2.3. Chính sách khác

Luận án tập trung phân tích một số chính sách khác bao gồm chính sách sở hữu, chính sách đất đai, chính sách lao động. Tác giả luận án cho rằng đây là những chính sách rất cơ bản vì liên quan chặt chẽ đến dòng vốn FDI vào Trung Quốc.

Sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã thừa nhận chính sách đa sở hữu, thừa nhận sở hữu tư nhân trong đó có sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài tại Trung Quốc.

Chính sách đất đai của Trung Quốc tiếp tục được điều chỉnh theo hướng giảm bớt những xung đột xung quanh việc sử dụng đất được quy hoạch cho đầu tư.

vật được sử dụng xuyên suốt và bao trùm tất cả các nội dung được nghiên cứu của đề tài.   ngoài ra tác giả cũng kết hợp các phương pháp khác như logic kết hợp với lịch sử, phương pháp phân tích thống kê trong quá trình điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc cũng như khi nghiên cứu về Việt   am.

  ngoài các phương pháp nghiên cứu kể trên, đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu như sau:

Phương pháp so sánh, tổng hợp: Phương pháp nghiên cứu so sánh được sử dụng trong chương 2 khi nghiên cứu về thực trạng điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc để thấy được những kết quả và những bất cập còn tồn tại trong điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc và chương 3 khi nghiên cứu về tổng quan điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Việt   am, từ đó đối chiếu so sánh với Trung Quốc để làm rõ những điểm tương đồng cũng như khác biệt trong quy trình hoạch định và điều chỉnh chính sách thu hút FDI giữa Việt   am và Trung Quốc. Việc sử dụng phương pháp này còn nhằm tổng kết các bài học kinh nghiệm trong điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc. Công trình nghiên cứu của tác giả là kết quả của sự kế thừa có chọn lọc các tài liệu từ các công trình nghiên cứu trước đó. Tác giả đã có sự phân tích, tổng hợp, đánh giá riêng từ các tài liệu đó.

Phương pháp nghiên cứu liên ngành: Do nội dung nghiên cứu của đề tài có liên quan đến nhiều lĩnh vực khoa học chuyên ngành khác như luật học, khoa học quản lý, kinh tế, xã hội học...nên tác giả đã vận dụng các phương pháp nghiên cứu của các chuyên ngành trên trong quá trình nghiên cứu, hoàn thiện công trình.

Phương pháp nghiên cứu kế thừa:   ội dung của đề tài nghiên cứu có liên quan đến nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả khác nhau. Tác giả đã thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá và kế thừa có chọn lọc những kết quả nghiên cứu trong các công trình đó.

Phương pháp chuyên gia: Tác giả đề tài đã phối hợp với các chuyên gia trong nghiên cứu vấn đề này để được tư vấn và hỗ trợ trong nghiên cứu và xử lý tài liệu cũng như tham gia các buổi hội thảo về các vấn đề có liên quan để đảm bảo hiệu quả cao đối với quá

trình, kết quả nghiên cứu của tác giả.

Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: Để đảm bảo đạt được mục đích nghiên cứu của đề tài, tác giả tập trung nghiên cứu một số trường hợp điển hình của các vấn đề điều chỉnh chính sách thu hút FDI.

6. Dự kiến những đóng góp mới của luận án

- *Đóng góp mới về lý luận:*

+ Xây dựng khung khổ lý luận mới về điều chỉnh chính sách thu hút FDI thông qua các nhóm tiêu chí đánh giá hiệu quả của điều chỉnh chính sách thu hút FDI.

+ Phát hiện những điểm mới trong điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc.

- *Đóng góp mới về thực tiễn:*

+ Rút ra các bài học kinh nghiệm từ nghiên cứu điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc từ sau khi gia nhập WTO.

+ Đưa ra những gợi ý chính sách cho Việt Nam.

7. Cấu trúc của luận án

Ả ngoài phần mở đầu, phụ lục, kết luận và tài liệu tham khảo, đề tài được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của điều chỉnh chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc sau khi gia nhập WTO

Chương 2: Thực trạng điều chỉnh chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Trung Quốc sau khi gia nhập WTO

Chương 3: Bài học kinh nghiệm và gợi ý chính sách cho Việt Nam

2.1.1.1. Ả hóm chính sách pháp lý

Ả gay từ trước khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã ban hành hệ thống các luật và các quy định về đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Trung Quốc, tạo nền tảng pháp lý cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập và tiến hành sản xuất kinh doanh.

2.1.1.2. Ả hóm chính sách tài chính

Ả hóm chính sách tài chính được giới thiệu trong luận án bao gồm chính sách thuế và chính sách tiền tệ. Tác giả luận án cho rằng đây là những chính sách cơ bản nhất có tác động ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Trung Quốc.

2.1.1.3. Ả hóm chính sách khác

2.1.2. Thực trạng thu hút FDI ở Trung Quốc

Quá trình cải cách kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư từ năm 1979 đã tạo ra những thành tựu trong thu hút FDI ở Trung Quốc tính đến thời điểm Trung Quốc trước khi gia nhập WTO. Với mức bình quân 50 tỷ USD của FDI hàng năm, Trung Quốc đã trở thành một trong những quốc gia hàng đầu về thu hút nguồn vốn này.

2.1.3. Những điều chỉnh cơ bản của chính sách thu hút FDI

2.1.3.1. Giai đoạn từ năm 1979 đến năm 1992

Chính sách thu hút FDI của Trung Quốc trong giai đoạn này từng bước được điều chỉnh với nguyên tắc thận trọng nhằm đảm bảo quyền lợi của Trung Quốc. Đây cũng là thời kỳ Trung Quốc từng bước mở cửa, cải cách sau nhiều năm đóng cửa và duy trì cơ chế kế hoạch tập trung đối với nền kinh tế.

Sự thận trọng của chính sách thể hiện trong việc quy định các loại hình xí nghiệp, quy mô đầu tư, khu vực đầu tư và các nhà đầu tư.

2.1.3.2. Giai đoạn từ năm 1992 đến năm 2001

Trước xu thế toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ trên thế giới và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế sâu sắc, đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững. Trung Quốc tiếp tục thực thi những biện pháp và chính sách quan trọng nhằm tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chất lượng nguồn vốn FDI và rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các vùng.

2.2. ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH THU HÚT FDI CỦA TRUNG QUỐC

nếu hiệu quả nguồn vốn FDI tại Trung Quốc và buộc chính phủ Trung Quốc phải điều chỉnh chính sách thu hút nguồn vốn này.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Khung khổ lý luận cơ bản được xây dựng trong chương 1 là cơ sở rất quan trọng, xuyên suốt cho nghiên cứu các vấn đề trọng tâm như thực trạng điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc từ sau khi gia nhập WTO cho đến nay, rút ra các bài học kinh nghiệm và gợi ý chính sách cho Việt Nam trong quá trình điều chỉnh chính sách thu hút FDI.

Khung tiêu chí đánh giá hiệu quả của điều chỉnh chính sách thu hút FDI được xây dựng bao gồm các nhóm tiêu chí: tiêu chí về kinh tế, tiêu chí về xã hội, tiêu chí về môi trường góp phần đảm bảo tính khoa học cho những kết luận mang tính kiểm định hiệu quả điều chỉnh chính sách thu hút FDI.

Cơ sở thực tiễn cho việc xem xét, nghiên cứu điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc được căn cứ vào các nhân tố bên trong và bên ngoài tác động đến điều chỉnh chính sách thu hút FDI và đánh giá tổng quan về điều chỉnh chính sách thu hút FDI của một số nước trong khu vực có mối quan hệ tương đồng với Trung Quốc.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI Ở TRUNG QUỐC SAU KHI GIA NHẬP WTO

2.1. TỔNG QUAN VỀ FDI Ở TRUNG QUỐC TRƯỚC KHI GIA NHẬP WTO

2.1.1. Tổng quan các chính sách thu hút FDI

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA TRUNG QUỐC SAU KHI GIA NHẬP WTO

1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1.1. Các vấn đề cơ bản về chính sách thu hút FDI

1.1.1.1. Một số khái niệm

Các khái niệm về chính sách, chính sách kinh tế, chính sách đầu tư, chính sách FDI, chính sách thu hút FDI.

1.1.1.2. Đặc điểm cơ bản của chính sách thu hút FDI

- Tính hệ thống
- Đối tượng của chính sách thu hút FDI là nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

- Phạm vi đối tượng điều chỉnh rộng
- Ảnh hưởng phân hóa mạnh đến nhóm lợi ích của nước chủ nhà

1.1.1.3. Các nhóm chính sách cơ bản

Các nhóm chính sách thu hút FDI cơ bản bao gồm nhóm chính sách khung khổ pháp lý, nhóm chính sách tài chính và nhóm chính sách khác.

1.1.1.4. Vai trò của chính sách thu hút FDI

Chính sách thu hút FDI có vai trò rất quan trọng đối với nước chủ nhà mà còn có vai trò quan trọng đối với các nhà đầu tư nước ngoài và quan hệ quốc tế giữa nước chủ nhà với nước đầu tư.

- Đối với nước tiếp nhận dòng vốn đầu tư: góp phần tạo ra một khung khổ pháp lý ổn định để thu hút và điều tiết nguồn vốn FDI theo mục tiêu của nước chủ nhà. Chính sách thu hút FDI bám sát nhu cầu thực tiễn phát triển kinh tế – xã hội sẽ tạo điều kiện cho chính phủ nước chủ nhà huy động các nguồn lực từ FDI một cách hiệu quả, đồng thời tạo ra lợi thế cạnh tranh cho nước chủ nhà.

- Đối với các nhà đầu tư nước ngoài: là căn cứ để các nhà đầu tư nước ngoài xem xét lợi ích của họ và đưa ra các quyết định

đầu tư.

1.1.2. Quy trình hoạch định và điều chỉnh chính sách thu hút FDI

1.1.2.1. Ắ hững vấn đề chung của việc hoạch định và điều chỉnh chính sách

Phân tích thực trạng và tình thế của đất nước, dự đoán các biến động có thể xảy ra trong tương lai, xác định mục tiêu phát triển, cơ chế thực hiện chính sách, yêu cầu những nguồn lực của FDI, yêu cầu tiếp thu và lựa chọn những bài học kinh nghiệm.

1.1.2.2. Quy trình hoạch định chính sách thu hút FDI

- Xác định những yêu cầu phải thực hiện: yêu cầu những nguồn lực của FDI, yêu cầu lựa chọn và tiếp thu các bài học kinh nghiệm .

- Xây dựng mục tiêu của chính sách.
- Soạn thảo các văn bản quy định.
- Hoàn thiện và thẩm định.
- Tổ chức thực hiện.

1.1.2.3. Quy trình điều chỉnh chính sách thu hút FDI

Tính tất yếu của việc điều chỉnh chính sách FDI

Đối tượng của chính sách thu hút FDI của các quốc gia chính là dòng vốn FDI từ các nước khác di chuyển tới. Vì vậy, dòng vốn FDI chịu sự tác động bởi sự vận động và biến đổi của kinh tế toàn cầu và khu vực cũng như mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia. Sự biến động của dòng vốn FDI sẽ tác động lớn đến tỷ trọng nguồn vốn FDI trong tổng nguồn vốn đầu tư tại các quốc gia và hiệu quả của nguồn vốn này tại các quốc gia đó. Vì vậy chính sách thu hút FDI hiện tại trở nên bất cập vì vậy tất yếu phải điều chỉnh chính sách thu hút FDI.

1.1.3. Sự cần thiết của việc đánh giá hiệu quả của điều chỉnh chính sách thu hút FDI

Đánh giá hiệu quả của điều chỉnh chính sách thu hút FDI là rất cần thiết thông qua hiệu quả thu hút nguồn vốn FDI từ đó là cơ sở cho việc điều chỉnh chính sách FDI tiếp theo cho sát với yêu cầu thực tiễn thu hút nguồn vốn này.

1.1.4. Đánh giá hiệu quả của điều chỉnh chính sách thu hút FDI

Việc đánh giá hiệu quả điều chỉnh chính sách thu hút FDI phải được căn cứ trên cơ sở các lập luận chặt chẽ. Cơ sở này bao gồm các kết quả định tính và định lượng về kết quả thu hút FDI cùng với nhóm tiêu chí được xây dựng.

Các nhóm tiêu chí đánh giá hiệu quả của điều chỉnh chính sách thu hút FDI được xây dựng bao gồm:

Nhóm tiêu chí đánh giá 1: Tác động về kinh tế. Tiêu chí này bao gồm các kết quả trực tiếp và kết quả gián tiếp về thu hút FDI.

Nhóm tiêu chí đánh giá 2 : Tác động về xã hội bao gồm: sự thay đổi về việc làm, thu nhập do sự tham gia của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Nhóm tiêu chí đánh giá 3: Tác động về môi trường được đánh giá ở mức độ ô nhiễm về môi trường và sự thiệt hại về kinh tế do môi trường gây ra.

1.2. CƠ SỞ THỰC TIỄN

1.2.1. Những nhân tố bên trong tác động đến điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc

Ắ hững nhân tố bên trong bao gồm các nhân tố bên trong lãnh thổ của Trung Quốc như: yêu cầu phát triển của nền kinh tế Trung Quốc, thách thức về môi trường - xã hội, thực hiện cam kết sau khi gia nhập WTO, những hạn chế của đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Trung Quốc.

1.2.2. Những nhân tố bên ngoài tác động đến điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc

Ắ hững nhân tố bên ngoài lãnh thổ Trung Quốc tác động đến điều chỉnh chính sách thu hút FDI của Trung Quốc bao gồm: vai trò ngày càng quan trọng của dòng vốn FDI trên thế giới, sự biến động của dòng vốn FDI trên thế giới, sự chi phối dòng vốn FDI trên thế giới bởi các công ty xuyên quốc gia, điều chỉnh chính sách thu hút FDI của một số nước trong khu vực Châu Á và trên thế giới, xu hướng phát triển mạnh mẽ của toàn cầu hóa và mạng lưới sản xuất toàn cầu, cạnh tranh quốc tế trong thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài...Ắ hững nhân tố này đã làm thay đổi dung lượng cũng